

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2020
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hạnh

Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã Đức Phổ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thị xã Đức Phổ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 178/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐST – HNGĐ ngày 18/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2020 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Cẩm N - sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ dân phố T, Phường P, Thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thường P - sinh năm 1984

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố Đ, Phường P, Thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/12/2019 và bản tự khai ngày 06/12/2019, bà Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:

Năm 2008, bà và ông Nguyễn Thường P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phường P, Thị xã Đ). Trong thời gian sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không hòa giải được, ông Phi bỏ nhà đi từ tháng 7/2012 đến nay không biết đi đâu, làm gì, không để lại địa chỉ, tin tức, không liên lạc với gia đình. Ngày 15/10/2014 bà có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Thường P mất tích và được Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ giải quyết bằng Quyết định số 07/2015/VDS-ST ngày 19/8/2015 tuyên bố ông Nguyễn Thường P mất tích. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nhung yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thường P.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Vì công việc làm, công tác xa nhà, điều kiện đi lại khó khăn nên bà Nhung đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Thường P bị Tòa án nhân dân huyện Đ tuyên bố mất tích tại Quyết định số 07/2015/VDS-ST ngày 19/8/2015. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Phi không có ý kiến.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Đ phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung được ly hôn ông Nguyễn Thường P.

- Về con chung: không có;

- Về tài sản chung; nợ chung: không có.

- Về án phí: bà Nhung phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn ông Nguyễn Thường P bị Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ tuyên bố mất tích tại Quyết định số 07/2015/VDS-ST ngày 19/8/2015. Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại

phiên tòa không có lý do mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Thường P kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông P là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh có nhiều mâu thuẫn, nên ông P bỏ nhà đi từ tháng 7/2012 đến nay không biết địa chỉ, tin tức gì. Bà N có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Nguyễn Thường P mất tích và được Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ giải quyết tại Quyết định số 07/2015/VDS-ST ngày 19/8/2015 tuyên bố ông Nguyễn Thường P mất tích. Từ ngày bị tuyên bố mất tích đến nay cũng không biết tin tức gì về ông P chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Cẩm N được ly hôn ông Nguyễn Thường P.

[3] Về con chung: không có. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Đức Phổ tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 147, 227; 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm N được ly hôn ông Nguyễn Thường P.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về án phí: bà Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí sơ thẩm số AA/2018/0002725 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

Bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Thường P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS Thị xã Đức Phổ;
- UBND Phường Phổ Văn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Hậu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS Thị xã Đức Phổ;
- UBND Phường Phổ Văn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Hậu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Đức Phổ;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- UBND thị trấn Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bình

Nguyễn Thị Thanh

Nguyễn Văn Dẫn

TÒA ÁN NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH QUẢNG NGÃI

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

Hồi 11 giờ ngày 05/05/2017, tại phòng nghị án tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tấn

Ông Hoàng Minh Tân

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 239/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2016 về “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Côi

Bị đơn: bà Lê Thị Hồng Yến

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

* Về điều luật áp dụng:

Áp dụng các Điều 427, 471, 474, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm năm 2015; khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Biểu quyết: 3/3 ý kiến.

* Về nội dung:

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Côi. Buộc bà Lê Thị Hồng Yến phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Thị Côi 02 cây (20 chỉ) vàng nhẫn bốn số 9999, tiền gốc 544.000.000 đồng, tiền lãi là 40.800.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 584.800.000 đồng (Năm trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm ngàn đồng).

Biểu quyết: 3/3 ý kiến.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Dũng Hoàng Minh Tân

Nguyễn Văn Duẩn

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Các đương sự;
- Cục THADS thành phố;
- Lưu hồ sơ, án văn;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duẩn